

SỞ GTVT QUẢNG TRỊ
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY
NỘI ĐỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134 /TBL-QLĐTĐ

Quảng Trị, ngày 25 tháng 6 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG VĂN ĐẾN

26-06-2018

THÔNG BÁO LƯỜNG
(Tháng 6 năm 2018)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (H _{max})		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (H _{min})		Ghi chú
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+0,42	15h00 ngày 16/06/2018	-0,70	12h00 ngày 20/06/2018	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+0,54	15h00 ngày 16/6/2018	-0,67	08h00 ngày 15/6/2018	
3	Bến Hải	Bến Hải	+0,4	16h00 ngày 17/06/2018	-0,70	07h00 ngày 15/06/2018	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			Chiều rộng B (m)
				Độ sâu nhỏ nhất h _{min} (m)	Độ sâu lớn nhất h _{max} (m)	Độ sâu thực đo h (m)	
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km0+150	12,73	13,85	13,15	50
2		Đông Hà	Km15+00	7,84	8,96	8,26	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	6,12	7,24	6,54	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	9,76	10,88	10,18	25
5		Cầu Treo	Km21+400	6,26	7,38	6,68	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	7,96	9,08	8,38	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	19,68	20,80	20,10	
2		500KV	Km20+400	29,26	30,38	29,68	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mỏ hàn	Km12+850	-0,34	0,78	0,08	
2		Kè mỏ hàn	Km13+500	-0,26	0,86	0,16	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	2,18	3,30	2,60	
4		Kè mỏ hàn	Km25+450	-0,53	0,59	-0,11	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Phao Trung Yên	Km2+00	1,74	2,95	2,28	4,5
2		Đại Lộc	Km 4+700	8,38	9,59	8,92	25



3		An Mô (cũ)	Km11+300	5,81	7,02	6,35	15
4		An Mô (mới)	Km11+300	8,54	9,75	9,08	25
5		Thành Cổ	Km14+770	8,76	9,97	9,30	40
6		Đường bộ Thạch Hãn	Km16+900	8,20	9,41	8,74	20
7		Đường sắt Thạch Hãn	Km17+00	7,43	8,64	7,97	30
II		Đường dây điện					
1		35KV, đường dây VNPT	Km1+950	5,96	7,17	6,50	
2		35KV	Km5+000	8,97	10,18	9,51	
3		110KV	Km16+000	19,30	20,51	19,84	
4		110KV	Km17+800	19,23	20,44	19,77	
5		500KV	Km23+000	29,04	30,25	29,58	
III		Vật chướng ngại					
1		Bãi đá ngầm	Km9+000	-0,37	0,84	0,17	
2		Kè mỏ hàn	Km12+500	-0,87	0,34	-0,33	
3		Kè mỏ hàn	Km13+000	-0,92	0,29	-0,38	
4		Kè mỏ hàn	Km13+300	-0,90	0,31	-0,36	
5		Kè mỏ hàn	Km13+600	-0,97	0,24	-0,43	
6		Kè mỏ hàn	Km13+750	-0,91	0,30	-0,37	
7		Kè mỏ hàn	Km13+900	-0,92	0,29	-0,38	
8		Bãi đá ngầm	Km16+300	-0,15	1,06	0,39	
9		Bãi đá ngầm	Km17+250	-0,10	1,11	0,44	
C	Bến Hải						
I		Cầu					
1	Nhánh Sa Lung	Cửa Tùng	Km 0+750	12,38	13,48	12,78	50
2		Hiền Lương (di tích)	Km 9+800	3,37	4,47	3,77	26
3		Hiền Lương	Km 9+800	7,45	8,55	7,85	30
4		Châu Thị (mới)	Km15+800	8,49	9,59	8,89	15
5		Phúc Lâm	Km18+00	4,41	5,51	4,81	13
6		Đường sắt Sa Lung	Km22+350	4,62	5,72	5,02	15
7	Nhánh Bến Tắt	Cầu phao Huỳnh Xá Hạ	Km1+600	2,20	3,30	2,60	5
8		Hiền Lương II	Km3+700	10,73	11,83	11,13	25
9		Đường sắt Tiên An	Km5+350	4,20	5,30	4,60	42
II		Đường dây điện					
1		35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	9,88	10,98	10,28	
2		110KV	Km9+400	3,72	4,82	4,12	
3		110KV	Km15+200	4,69	5,79	5,09	
4		500KV	Km12+000	29,58	30,68	29,98	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mỏ hàn	Km4+150	-0,44	0,66	-0,04	
2		Kè mỏ hàn	Km4+700	-0,52	0,58	-0,12	

VĂN
ĐOÀN
QUẢN
LÍ
SỞ
NỘI
T

3		Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	2,52	3,62	2,92	
---	--	------------------------------	----------	------	------	------	--

III. Bãi cạn:

TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mức nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I Sông Hiếu									
1		Đông Giang	Km15+200 + Km16+200	1,50	+0,08	-1,42	150	1000	08h00 ngày 22/6/2018
2		Đông Thanh	Km16+000 + Km18+200	2,00	+0,17	-1,83	159	2200	09h00 ngày 22/6/2018
3		Lâm Lang 2	Km24+800 + Km26+100	1,80	-0,45	-2,25	154	1300	14h00 ngày 22/6/2018
II Thạch Hãn									
1		Như Lệ	Km22+700 + Km24+300	2,06	+0,33	-1,73	156	1600	16h00 ngày 22/6/2018
2		Ba Lòng	Km43+400 + Km46+00	1,28	+0,5	-0,78	192	2600	7h00 ngày 21/6/2018
III Bến Hải									
1		Cửa Tùng	Km0+000 + Km2+000	1,25	-0,48	-1,73	225	2000	08h00 ngày 18/6/2018
2		Vĩnh Sơn	Km 10+00 + Km12+100	1,20	-0,38	-1,58	143	2100	09h00 ngày 20/6/2018

IV. Một số điều lưu ý:

1. Dự báo tình hình mực nước tháng kế tiếp:

Tình hình mực nước trên các tuyến sông tại địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay đang xuống mức thấp, luồng qua khu vực bãi cạn Cửa Tùng đang bị bồi lấp nghiêm trọng, phương tiện thủy đi lại dễ bị mắc cạn, nguy cơ gây mất an toàn giao thông đường thủy.

2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 05 vị trí

+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;

+ Công ty Cổ phần Thiên Phú tại Km 22+900;

TÀI
N
LÝ
THỦY
LÀ

+ Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;

+ Công ty TNHH MTV Đông Tiến tại Km 27+800;

+ Công ty TNHH MTV Nguyễn Hà tại Km 38+700;

- Sông Bến Hải: 01 vị trí

+ Công ty TNHH MTV Đào Dương tại Km 12+000;

- Sông Hiếu: không có

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn. / Q

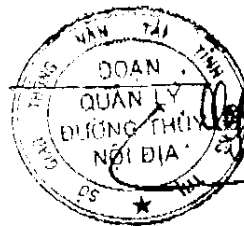
Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;

- Sở GTVT Quảng Trị;

- Lưu: VT, KH. *Q*

GIÁM ĐỐC



Phạm Uy Vũ

